

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2023

V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Tuấn

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1987;

2/ *Bị đơn:* Ông Lê Vũ L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 48 đường N, phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông L chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không thể hòa hợp

chung trong cuộc sống. Hiện nay, bà xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L.

Về con chung: vợ chồng chung sống có một con chung tên Lê Trần Phương T, sinh ngày 15/07/2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Lê Vũ L vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông L biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà N theo quy định pháp luật, nhưng ông L không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà N xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Kim N và ông Lê Vũ L tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn số 01/2008 ngày 14/02/2008 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo bà N trình bày, sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không thể hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến ly thân hơn 1 năm. Nhận thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông L. Về phía bị đơn là ông L đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, điều đó cho thấy ông L không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà N và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung tên Lê Trần Phương T, sinh ngày 15/7/2009. Khi ly hôn bà N có nguyện vọng nuôi cháu T. Xét thấy, bà N hiện có công việc, thu nhập ổn định. Hơn thế nữa, tại biên bản ghi ý kiến ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, cháu T có nguyện vọng sống chung bà N. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Vũ L. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T, Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Ngày 02/12/2022 bà Trần Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố T, Long An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định cho ông Lê Vũ L nhưng ông L vẫn vắng mặt.

Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Kim N và ông Lê Vũ L có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2008 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông L. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà N và ông L tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố T, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân phường 1 không biết được nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà N và ông L. Về phía ông L, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông L cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông L đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông L vẫn không đến Tòa án. Như vậy phía ông L không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với bà N nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà N và ông L không còn, tình trạng vợ chồng giữa bà N và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà N và ông L có 01 con chung tên Lê Trần Phương T, sinh ngày 15/07/2009. Khi ly hôn, do bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L không tham gia phiên tòa để xác định nguyện vọng về việc nuôi con của mình.

Xét thấy, bà N hiện có công việc, thu nhập ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và cũng phù hợp với ý kiến của cháu T. Vì vậy giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của bà N là tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà N và ông L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Kim N đối với ông Lê Vũ L.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim N ly hôn với ông Lê Vũ L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Trần Phương T, sinh ngày 15/07/2009 cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy nên bản án không đề cập.

4. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001867 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP Tân An;
- CC.THADS TP Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

